Các đời chúa Nguyễn

Các đời chúa Nguyễn tồn tại 203 năm (1600-1802), trải qua 10 đời chúa, bao gồm:

Nguyễn Hoàng (1600-1613)
Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635)
Nguyễn Phúc Lan (1635-1648)
Nguyễn Phúc Tần (1648-1687)
Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691)
Nguyễn Phúc Chu (1691-1725)
Nguyễn Phúc Chú (1725-1738)
Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765)
Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777)
Nguyễn Phúc Ánh (1780-1802)

Nam triều - Bắc triều (1533-1593)
Trịnh - Nguyễn phân tranh
Các đời chúa Trịnh (1545-1787)
Các đời chúa Nguyễn (1600-1802)

♦ Nguyễn Hoàng (1600-1613):

Nguyễn Hoàng, người Gia Miêu ngoại trang, Tống Sơn, Hà Trung, Thanh Hoá, sinh tháng 8 năm Ất Dậu (1525), là con thứ hai của Nguyễn Kim. Tổ tiên họ Nguyễn là một danh gia vọng tộc ở Thanh Hoá.

Cha Nguyễn Hoàng là Nguyễn Kim, con trưởng của Nguyễn Hoằng Dụ, làm quan dưới triều Lê, chức Hữu vệ Điện tiền tướng quân tước An Thanh hậu. Khi Mạc lấy ngôi vua họ Lê, Nguyễn Kim đem con em lánh sang Ai Lao, thu nạp hào kiệt, tính cuộc trung hưng nhà Lê từ bên đất Ai Lao và được phong Thượng phụ Thái sư Hưng quốc công trưởng nội ngoại sự. Năm Canh Tí (1540) Nguyễn Kim đem quân về chiếm Nghệ An. Năm Nhâm Dần (1542) ra Thanh Hoá cùng với vua Lê chiếm lại Tây Đô, sự nghiệp trung hưng nhà Lê do tay Nguyễn Kim tạo dựng buổi ban đầu đang đà lớn mạnh. Năm Ất Tị (1545), Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đầu độc chết, thọ 78 tuổi. Quyền hành từ đó rơi vào tay Trịnh Kiểm, con rể Nguyễn Kim.

Khi Nguyễn Kim chạy sang Ai Lao thì Nguyễn Hoàng mới lên hai tuổi, được Thái Phó Nguyễn Ư Dĩ nuôi dạy nên người. Lớn lên, Hoàng làm quan cho triều Lê, tước phong đến Hạ Khê hầu, từng đem quân đánh Mạc Phúc Hải, lập công lớn, vua Lê phong cho tước Đoan quận công.

Trịnh Kiểm là anh rể, muốn thâu tóm quyền hành nên loại bỏ uy thế các con Nguyễn Kim: Nguyễn Uông, con trưởng bị hãm hại, Nguyễn Hoàng Đan bị ghen ghét. Hoàng biết, bèn cáo bệnh nằm nhà, giữ mình tránh ngờ.

Nguyễn Hoàng tìm cách trả thù họ Trịnh, băn khoăn chưa biết nên làm gì bèn sai người đến hỏi Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, thì được tâu: "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân" (Một dải núi Hoành Sơn có thể dung thân muôn đời). Hoàng hiểu ra, nhờ chị gái là Ngọc Bảo nói với Kiểm cho Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá. Đất ấy hiểm trở, xa xôi, khí hậu khắc nghiệt, lại là mặt Nam, quân Mạc có thể dùng thuyền vượt biển đánh sau lưng. Kiểm đồng ý và dâng biểu tâu vua trao quyền cho Nguyễn Hoàng là trấn thủ Thuận Hoá, toàn quyền xử lý mọi việc. Hoàng đem người nhà và quân bản bộ vào Nam năm Mậu Ngọ (1558), khi 34 tuổi. Cùng đi còn có nhiều đồng hương Tống Sơn và Nghĩa Dũng, Thanh Hoá.

Thủa đầu, Nguyễn Hoàng dựng dinh trại ở xa Ái Tử, huyện Đăng Xương (Triệu Phong, Quảng Trị). Hoàng biết khéo vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được người người mến mộ gọi là "Chúa Tiên".

Khoảng 40 năm đầu vào vùng đất mới, Nguyễn Hoàng chú trọng khai hoang lập ấp, phát triển kinh tế gây nuôi lực lượng tính kế lâu dài, bên ngoài vẫn giữ quan hệ bình thường và hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với vua Lê ngoài Bắc. Công cuộc khẩn hoang và chính sự rộng rãi của Nguyễn Hoàng đã đem lại hiệu quả rõ rệt về mọi mặt.

Tháng 2 năm Quý Dậu (1573), vua Lê sắc phong Nguyễn Hoàng là Thái phó, cần tích dự trữ thóc lúa ở biên giới, hàng năm nộp thuế 400 cân vàng bạc, 500 tấn lúa. Mỗi lần có triều thần vào kiểm tra thuế khoá của trấn, Nguyễn Hoàng khéo tiếp đãi biết lấy lòng, vì thế Hoàng chỉ đệ trình sổ sách do Hoàng sai người lập ra. Chính nhờ đó mà thu nhập của chúa Nguyễn ở Đàng Trong ngày càng tăng nhanh. Ngoài Bắc, vua Lê liền năm phải đem quân đánh Mạc, quân dụng thiếu thốn, đất Thuận Quảng lại "liền mấy năm được mùa, trăm họ giầu thịnh". Nguyễn Hoàng còn đem tiền thóc ra giúp vua Lê.

Tháng 5 năm Quý Tị (1593) biết Lê Trịnh đã đánh tan quân Mạc, lấy lại được Đông Đô, Hoàng liền đem quân ra yết kiến vua Lê. Vua Lê khen ngợi công lao trấn thủ đất phía nam, tấn phong Hoàng làm Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc trưởng phủ sự thái uý Đoan Quốc công.

Nguyễn Hoàng từng lưu lại ở miền Bắc với nhà Lê đến 7 năm, nhiều lần đem quân đánh dẹp dư đảng nhà Mạc ở Kiến Xương (Thái Bình) và Hải Dương, lập được công lớn. Người con trai thứ hai của Nguyễn Hoàng tên là Hán, được vua phong tả đô đốc Lỵ quận công, theo Nguyễn Hoàng đánh Mạc ở Sơn Nam bị tử trận. Con Hán là Hắc được lập ấm.

Nguyễn Hoàng đã nhiều lần theo hầu vua Lê lên hội khám với nhà Minh ở Trấn Nam quan để nhận sắc phong cho vua Lê. Năm Kỷ Hợi (1599) vua Lê băng hà, con thứ là Duy Tân lên ngôi, Nguyễn Hoàng được phong là Hữu tướng.

Năm Canh Tý (1600), đem quân dẹp các tướng nổi loạn: Phan Ngạn, Ngô Đình Nga và Bùi Văn Khê ở Nam Định, Nguyễn Hoàng cùng bản bộ ra biển dong thẳng vào Thuận Hoá, để con trai thứ 5 là Hải và cháu là Hắc ở lại làm con tin. Sau đó, vua Lê sai sứ giả vào phủ dụ. Vẫn để Nguyễn Hoàng trấn thủ đất Thuận Quảng, hàng năm nộp thuế má đầy đủ. Trịnh Tùng cũng gửi thư kèm theo khuyên giữ tốt việc thuế cống.

Tháng 10 năm Canh Tý (1600), Nguyễn Hoàng gả con gái là Ngọc Tú cho Trịnh Tráng (con cả Trịnh Tùng). Từ đó Nguyễn Hoàng không ra Đông Đô nữa. Trịnh Tùng cũng chẳng dám động chạm đến việc ấy nữa. Có thể nói từ năm 1600, Nguyễn Hoàng bắt đầu xây dựng một giang sơn riêng cho họ Nguyễn. Hoàng dáo diết xây dựng vùng đất mới này có đầy đủ mọi mặt: tổ chức hành chính, mở rộng đất xuống phía nam. Một loạt chùa chiền thờ Phật cũng được xây cất trong dịp này: Thiên Mụ, Bảo Chấn... Dân chúng ngoài Bắc mất mùa đói kém chạy vào nam theo chúa Nguyễn khá đông.

Năm Quý Sửu (1613) Nguyễn Hoàng đã già và mệt nặng. Nguyễn Hoàng mất thọ 89 tuổi, có 10 con trai, trấn thủ Thuận Quảng được 56 năm (1558-1613). Sau này Triều Nguyễn truy tôn là Thái tổ Gia dụ hoàng đế.

♦ Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635):

Nguyễn Phúc Nguyên là con thứ sáu của Nguyễn Hoàng. Mẹ Phúc Nguyên họ Nguyễn. Bấy giờ các con trai của Nguyễn Hoàng là Hà, Hán, Thành, Diễn đều đã mất trước. Người con trai thứ 5 là Hứa đang làm con tin ngoài Bắc, vì thế Phúc Nguyên là con thứ 6 được nối nghiệp, bấy giờ đã 51 tuổi.

Vua Lê sai sứ giả vào viếng và truy tặng Nguyễn Hoàng là Cẩn Nghi công, cho Phúc Nguyên làm trấn thủ Thuận Quảng với hàm Thái Bảo, tước Quận công. Phúc Nguyên lên nối ngôi, sửa đắp thành luỹ đặt quan ải vỗ về quân dân, trong ngoài đều vui phụng, bấy giờ người ta gọi Nguyên là chúa Phật. Kể từ Nguyễn Phúc Nguyên, họ Nguyễn ở Đàng Trong xưng quốc tính là Nguyễn Phúc.

Năm Kỷ Mùi (1619), Trịnh Tùng đem quân vào đánh chúa Nguyễn ở Thuận Quảng, từ đấy chúa Nguyễn không nộp thuế cống nữa.

Nguyễn Phúc Nguyên có Đào Duy Từ giúp sức càng vững mạnh hơn. Đào Duy Từ được Trần

Đức Hoà tiến cử lên chúa Nguyễn năm Đinh Mão (1627) Nguyễn Phúc Nguyên mừng lắm, phong cho Duy Từ tước Lộc kê hầu, chức Nha Nội uý nội táng. Duy Từ bày cho chúa Nguyễn kế sách trả lại sắc phong của vua Lê, không chịu nộp thuế cống cho họ Trịnh, đắp luỹ Trường Dục, luỹ Thầy để phòng ngự, chống lại quân Trịnh. Kế sách của Duy Từ được chúa Nguyễn làm theo.

Đào Duy Từ cũng bày cho chúa Nguyễn phép duyệt đinh, tuyển lính, thu thuế theo các bậc hạng, ngạch bậc khác nhau. Nhờ có việc thuế và huy động đóng góp của dân chúng được công bằng và ổn định. Tiềm lực quân sự và kinh tế của chúa Nguyễn ngày càng mạnh.

Đào Duy Từ còn tiến cử cho chúa Nguyễn một viên tướng tài ba, mưu lược như thần: Nguyễn Hữu Tiên. Quân lực Nguyễn từ đó ngày thêm mạnh. Đào Duy Từ chỉ giúp chúa Nguyễn 8 năm mà cơ nghiệp chúa Nguyễn thay đổi hẳn về chất, đất Đàng Trong trở nên có văn hiến và quy củ.

Năm Giáp Tuất (1634) Đào Duy Từ bị bệnh nặng rồi mất , thọ 63 tuổi. Chúa Nguyễn thương tiếc, truy tặng Hiệp mưu đồng đức công thần đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu, đưa về táng ở đất Tùng Châu (Bình Định). Công lao của Từ đứng đầu công thần khai quốc nhà Nguyễn.

Một năm sau, năm Ất Hợi (1635) chúa Nguyễn Phúc Nguyên cũng qua đời, ở ngôi 22 năm, thọ 73 tuổi, truyền ngôi cho con thứ hai là Nguyễn Phúc Lan. Sau triều đình Nguyễn truy tôn là Hy Tông Hiến Văn Hoàng đế. Nguyễn Phúc Nguyên có 11 con trai.

♦ Nguyễn Phúc Lan (1635-1648):

Vợ Nguyễn Phúc Nguyên là con gái Mạc Kính Điển. Khi Kính Điển bại vong, bà theo chú là Cảnh Huống chạy vào Nam, cùng với chú ẩn ở chùa Lam Sơn, đất Quảng Trị. Nguyễn Thị Ngọc Dương, vợ Cảnh Huống lại là dì ruột của Nguyễn Phúc Nguyên, nhân đó bà tiến cháu mình vào hầu chúa Nguyễn từ khi chưa lên ngôi. Bà vợ họ Mạc này sinh được năm con trai.

Mùa hạ năm Tân Mùi (1631), Hoàng tử cả là Kỳ mất, Phúc Lan là con thứ hai được lập làm Thế tử, mở dinh Thuận Nghĩa. Năm Ất Hợi (1635), chúa Nguyễn Phúc Nguyên mất, Phúc Lan được nối ngôi, lúc này ông đã 35 tuổi, gọi là chúa Thượng.

Nghe tin Lan được nối ngôi, trấn thủ Quảng Nam là Anh nổi lên, bí mật đầu hàng họ Trịnh, mưu cướp ngôi chúa. Anh cho đắp luỹ Cu Đê để cố thủ và bày thuỷ quân ở cửa biển Đà Nẵng chống lại chúa. Phúc Lan đánh bắt được, không nỡ giết kẻ ruột thịt, nhưng tướng lĩnh đều xin giết để trừ hậu hoạ, kể cả đồng đảng có tên trong sổ "Đồng Tâm".

Năm Kỷ Mão (1639), vợ của Tôn Thất Kỳ là Tống Thị vào yết kiến chúa Nguyễn. Tống Kỳ xinh đẹp lại khéo ứng đối, nhân vào gặp chúa, kêu khổ, xin chúa thương tình và biếu chúa chuỗi ngọc Vạn hoa. Phúc Lan thương tình cho lưu lại trong phủ. Thị thần có người can, chúa không nghe.

Năm Canh Thìn (1640) quân Nguyễn do Nguyễn Hữu Dật thống suất đã chiếm được Bắc Bố Chính. Trịnh Tráng viết thư xin lại, chúa Nguyễn ra lệnh đồng ý. Từ đó Phúc Lan thấy việc biên cương không đáng lo nữa, rơi vào chăm vui yến tiệc, xây dựng cung thất, công dịch không ngớt, việc thổ mộc nặng nề, tốn kém, nhưng còn may là quân thần can ngăn. Tức thì bãi bỏ việc xây dựng.

Lại nói đến Tống Thị, khi đã được vào cung, đưa đón, thỉnh thác lấy lòng chúa rất khéo, của cải thị chất đầy. Chưởng cơ Tôn Thất Trung mưu giết thị. Tống Thị viết thư và gửi một chuỗi ngọc nhờ cha là Tống Phúc Tông (ở đất Trịnh) đem biếu chúa Trịnh, xin Trịnh Tráng cất quân đánh Nguyễn. Tống Thị nguyện đem gia tài giúp quân lương. Tráng nhận được thư, liền đem các đạo quân thuỷ bộ vào đánh. Nguyễn Phúc Lan phải tự cầm quân đánh lại. Về sau, Nguyễn Phúc Lan không được khoẻ, trao binh quyền cho con trai là Nguyễn Phúc Tần và tướng Nguyễn Hữu Dật. Nhiều trận đánh lớn đã xảy ra, quân Nguyễn đại thắng bắt được vô số tù binh của Trịnh.

Trên đường rút quân, đến phá Tam Giang, Phúc Lan mất trên thuyền ngự. Chúa ở ngôi 13 năm,

thọ 28 tuổi. Thế tử Nguyễn Phúc Tần khóc mời chú lên ngôi gánh vác việc nước. Ông chú tử tế đã khuyên cháu lên ngôi cho danh chính ngôn thuận. Nguyễn Phúc Tần theo lời, lên nối ngôi, truy tôn cha là Thần tô hiến chiêu Hoàng đế.

♦ Nguyễn Phúc Tần (1648-1687):

Nguyễn Phúc Lan có bà vợ họ Đoàn, con gái thứ 3 của Thạch Quận công Đoàn Công Nhạc, người huyện Diên Phúc, tỉnh Quảng Nam.

Nguyễn Phúc Tần sinh năm Canh Thân (1620). Lúc đầu, được phong phó tướng Dũng lễ hầu, từng đánh giặc ở cửa biển, được chúa Phúc Lan rất ngợi khen. Năm Mậu Tý (1648), được tấn phong là Tiết chế chủ quân, thay Phúc Lan phá quân Trịnh ở sông Gianh, bấy giờ 29 tuổi. Nguyễn Phúc Lan mất đột ngột, bầy tôi tôn Phúc Tần lên ngôi chúa, gọi là chúa Hiền.

Chúa Hiền là người chăm chỉ chính sự, không chuộng yến tiệc vui chơi. Phúc Tần biết trọng dụng hai tướng giỏi là Nguyễn Hữu Dật và Nguyễn Hữu Tiến. Nhờ đó chúa Nguyễn nhiều lần vượt sông Gianh tiến ra đất Đàng Ngoài. Năm 1656, sau hai năm tấn công ra Bắc, quân Nguyễn đã chiếm được 7 huyện của Nghệ An. Tự thân Nguyễn Phúc Tần đã đem quân ra đến Nghệ An, đóng tại xã Vân Cát. Quân Nguyễn còn có thể tiến sâu vào đất đối phương thêm nữa, nhưng phía nhà Trịnh, Trịnh Tráng mất, con là Trịnh Tạc lên ngôi đang chịu tang, chúa Nguyễn cho người sang điếu, rồi rút quân về, lưu các tướng đóng đồn từ Sông Lam trở về Nam, đắp luỹ từ núi đến cửa biển để làm thổ phòng ngự. Sau đợt tấn công đó, quân Nguyễn còn chiếm đất Nghệ An thêm 5 năm nữa, năm Canh Tí (1660) Trịnh mới khôi phục lại được. Từ đó Trịnh và Nguyễn cầm cự nhau suốt hàng chục năm, không phân thắng bại.

Năm Ất Mão (1675), Hoàng tử thứ tư của chúa Nguyễn là Nguyên Soái Nguyễn Phúc Hiệp mất. Hiệp là tướng giỏi cầm quân. Năm Kỷ Mùi (1679), chúa Nguyễn cho phép Dương Ngạn Địch, một tướng của triều Minh cùng với Trần Thượng Xuyên... đem gia thuộc hơn 3000 người và hơn 50 chiến thuyền khai phá vùng đất Gia Định, Mỹ Tho. Từ đó mọc lên các phố xá buôn bán ở vùng đất mới này, thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây phương, Nhật Bản đi lại tấp nập, do đó văn hoá ngày càng mở mang.

Những năm sau đó: Bính Ngọ (1666), Nguyễn Hữu Tiến mất, rồi năm Tân Dậu (1681), Nguyễn Hữu Dật mất, phía chúa Nguyễn bị tổn thất lớn. Riêng đối với Nguyễn Hữu Dật, sau khi chết, dân Quảng Bình tiếc nhớ, gọi là Bồ Tát, lập đền thờ ở Thạch Xá.

Dưới thời chúa Hiền, nhiều kênh đào dẫn nước tưới ruộng được khơi đào, như Trung Đan, Mai Xá. Bấy giờ bờ cõi vô sự, thóc được mùa, chúa càng sửa sang chính sự, không xây đài tạ, không cần gái đẹp, bớt nhẹ giao dịch thuế má, trăm họ vui vẻ, mọi người đều khen là đời đời thái bình.

Năm Đinh Mão (1687) chúa không được khoẻ. Mất năm 68 tuổi, ở ngôi 39 năm, có 6 người con trai.

♦ Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691):

Nguyễn Phúc Tần có hai bà vợ chính. Bà họ Chu là cả, theo hầu chúa từ khi còn chưa lên ngôi chúa, sinh được hai trai một gái. Con trai là Diễn, được tấn phong Phúc Quận công; thứ hai là Thuần, được phong Hiệp Quận công; con gái là Ngọc Tào. Bà vợ thứ hai là người họ Tống, quê ở huyện Tống Sơn (Thanh Hoá), là con gái Tống Phúc Khang; người cùng quê với nhà chúa, đã được phong tới Thiếu phó. Bà vợ họ Tống sinh được hai trai, Nguyễn Phúc Trăn lại là người thứ hai, sinh năm Kỷ Sửu (1649). Khi người con trai cả do bà vợ họ Chu sinh ra chết, Nguyễn Phúc Tần cho rằng Trăn tuy là con bà hai nhưng lớn tuổi hơn và hiền đức, làm phủ đệ tại dinh Tả thuỷ. Nguyễn Phúc Tần mất, Trăn đã 39 tuổi, được nối ngôi chúa, bấy giờ gọi là chúa Nghĩa.

Nguyễn Phúc Trăn nổi tiếng là người rộng rãi, hình phạt và phú thuế đã nhẹ, trăm họ ai cũng vui

mừng, quan lại cũ của tiên triều đều được trọng đãi.

Nguyễn Phúc Trăn bắt đầu quy định lại trang phục.

Thời Chúa Nghĩa, quan hệ với người Chân Lạp vẫn rất tốt đẹp sau khi đã giết được kẻ phá đám là Hoàng Tiến (người Hoa). Chúa Nghĩa không thọ được lâu, sau 4 năm cầm quyền, bị bệnh rồi mất năm Tân Mùi (1691) lúc 43 tuổi.

♦ Nguyễn Phúc Chu (1691-1725):

Nguyễn Phúc Chu là con cả của Nguyễn Phúc Trăn. Mẹ ông, người họ Tống quê ở huyện Tống Sơn (Thanh Hoá), con của Thiếu phó Quận công Tống Phúc Vinh. Bà được hầu Nguyễn Phúc Trăn từ khi chưa lên ngôi. Đến khi chồng được lên ngôi chúa, bà được thăng Cung tần. Sinh được con trai là Nguyễn Phúc Chu thì càng được chúa yêu quý và bà phi của Nguyễn Phúc Trăn (không có con) càng vì nể và đem Phúc Chu về nuôi.

Nguyễn Phúc Chu sinh năm Ất Mão (1675), được cho nuôi ăn học khá cẩn thận vì thế văn hay chữ tốt, đủ tài lược văn võ. Khi nối ngôi chúa mới 17 tuổi, lấy hiệu là Thiên Túng đạo nhân. Đây là lần đầu tiên chúa Nguyễn lấy hiệu mới mẻ, sùng đạo Phật. Quả vậy, mới lên chữ chính, chúa rất quan tâm chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời nói thẳng, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, nhẹ thuế má giao dịch, bớt việc hình ngục. Vừa lên ngôi, chúa cho xây dựng một loạt chùa miếu; mở hội lớn ở chùa Thiên Mụ, chùa núi Mỹ Am. Tự chúa cũng ăn chay ở vườn Côn Gia một tháng trời; chúa phát tiền gạo cho người nghèo thiếu. Đây là thời kỳ chiến tranh Trịnh-Nguyễn đã tạm dừng hơn 30 năm, bờ cõi yên ổn. Nguyễn Phúc Chu có điều kiện mở rộng đất đai xuống phía nam và đạt được những thành tựu đáng kể: đạt phủ Bình Thuận năm Đinh Sửu (1697) gồm các đất Phan Rang, Phan Rí trở về Tây, chia làm hai huyện An Phúc và Hoà Đa bắt đầu đặt phủ Gia Định: chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phục Long, dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hoà), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng Phiên Trấn, lập xã Minh Hương... Từ đó người Thanh đi lại buôn bán rất sầm uất.

Năm Mậu Tý (1708), chúa dùng Mạc Cửu làm tổng binh trấn Hà Tiên.

Ngoài tư cách là một vị chúa có học vấn cao thể hiện qua chính sự khá toàn diện và cởi mở. Nguyễn Phúc Chu còn là một người làm rất nhiều thơ. Ông có hàng chục bài thơ khóc vợ, tình ý rất tha thiết.

Năm Ất Tỵ (1725) Nguyễn Phúc Chu mất, ở ngôi 34 năm, thọ 51 tuổi. Phúc Chu là chúa đông con nhất: 146 người, cả trai cả gái.

♦ Nguyễn Phúc Chú (1725-1738):

Chắc là Nguyễn Phúc Chu có rất nhiều vợ, nhưng chỉ thấy sử sách chép chuyện hai bà: bà họ Hồ và bà họ Nguyễn.

Nguyễn Phúc Chú sinh năm Bính Tý (1696), là con bà cả. Lúc đầu Phúc Chú được trao chức Cai cơ Đỉnh thịnh hầu. Năm Ất Mùi (1715), thăng làm chưởng cơ, làm phủ đệ tại cơ Tả Sùng. Đến khi chúa Phúc Chu mất, ông được nối ngôi (năm 1725) khi 30 tuổi, lấy hiệu là Vân Truyền đạo nhân. Nguyễn Phúc Chú ở ngôi được 13 năm thì mất. Trong thời kỳ cầm quyền chúa không có gì nổi bật ngoài hai việc:

Năm Quý Sửu (1733), chúa cho đặt đồng hồ nhập của Tây phương ở các dinh và các đồn tàu dọc biển. Sau đó có Nguyễn Văn Tú đã chế tạo được.

Năm Bính Thìn (1736), Mạc Cửu mất, con trai là Mạc Thiên Tứ được chúa Nguyễn cho làm Đô đốc trấn Hà Tiên. Tứ có tầm mắt nhìn xa biết rộng: cho miễn thuế, sai đóng ba chiếc thuyền Long bài, xuất dương tìm mua các hàng quý hiếm dâng nộp, mở cục đúc tiền để tiện việc trao đổi.

Thiên Thứ chia đặt nha thuộc, kén bổ quân ngũ, đắp thành luỹ, mở phố chợ, khách buôn các nước đến họp đông đúc. Ông lại còn vời văn nhân thi sĩ, mở Chiêu An các, ngày ngày cùng nhau giảng bàn và xướng hoạ, để lại 10 bài thơ vịnh cảnh Hà Tiên (Hà Tiên thập vịnh). Sau hợp lại thành tập 320 bài thơ của 25 tác giả Trung Quốc và 6 tác giả Việt Nam.

Năm Mậu Ngọ (1738) chúa Nguyễn Phúc Chú mất, thọ 43 tuổi, ở ngôi 13 năm.

♦ Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765):

Nguyễn Phúc Khoát là con Nguyễn Phúc Chú, sinh năm Giáp Ngọ (1714). Mẹ là người họ Trương ở huyện Tống Sơn, Thanh Hoá, con Trưởng cơ Trương Phúc Phan. Vào hầu Phúc Chú từ khi còn chưa lên ngôi, được phong Hữu cung tần. Tính bà e lệ cẩn thận, dạy bảo nội chức có phong độ hậu phi thời xưa. Bà sinh được 2 người con trai rồi mất năm bà mới 22 tuổi.

Nguyễn Phúc Khoát là con trưởng, được phong làm chưởng dinh Dinh tiền sứ chính hầu, làm phủ đệ tại Cơ Tiến Dực ở Dương Xuân. Phúc Chú mất, Khoát được lên ngôi khi 25 tuổi, lấy hiệu là Từ Tế đạo nhân.

Nguyễn Phúc Khoát bắt đầu xưng vương. Năm Giáp Tý (1774), đúc ấn Quốc vương, sau đó, ngày Kỷ Mùi, lên ngôi vua ở phủ chính Phú Xuân, ban chiếu bố cáo thiên hạ. Bộ máy chính quyền từ trên xuống cơ sở, các chức danh, tên gọi cũng thay đổi. Tuy nhiên vua Nguyễn vẫn dùng niên hiệu vua Lê trong các văn bản hành chính. Đối với các thuộc Cao Miên, Ai Lao, Xiêm... lại xưng là Thiên vương. Tôn hiệu các đời trước cũng được nâng lên phù hợp với cương vị mới của Quốc vương. Đối với anh em họ hàng gần thì phong tước Quận công. Hoàng tử, cứ theo thứ tự mà xưng.

Cùng với thay đổi trên, triều phục bách quan cũng thay đổi. Các đơn vị hành chính địa phương cũng một phen thay đổi.

Từ năm Giáp Tuất (1754) để xứng đáng là kinh đô của Nguyễn vương, Phú Xuân được xây dựng thêm hàng loạt điện đài mới theo quy mô đế vương. Rõ ràng dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, kinh đô Phú Xuân trở thành nơi hội lớn, văn vật thanh dung lừng lẫy, đời trước chưa từng có.

Xây dựng xong kinh đô Chúa sai nhiều văn quan đề vịnh phong cảnh cố đô. Phú Xuân trở thành một thành phố nên thơ từ ngày ấy. Chúa Nguyễn đã đón tiếp các quốc vương láng giềng ở Đất Phú Xuân.

Nguyễn Phúc Khoát đã tự xưng vương, ở ngôi được 27 năm. Năm Ất Dậu (1765), quốc vương băng, thọ 52 tuổi. Con trai thứ 16 lên nối ngôi.

♦ Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777):

Nguyễn Phúc Thuần còn có tên huý là Hân, sinh năm Giáp Tuất (1754), con thứ 16 của Phúc Khoát. Mẹ Phúc Thuần người họ Nguyễn, sinh được hai trai, Phúc Thuần là thứ hai. Năm Giáp Ngọ (1774) bà đi tu ở chùa Phúc Thành, sau đó mất (1804) được truy tôn là Tuệ Tĩnh thánh mẫu Nguyên sư, hiệu là Thiên Long giáo chủ.

Chúa Phúc Khoát lúc đầu lập Hoàng tử thứ 9 tên là Hiệu làm Thái Hoàng tử. Hiệu mất sớm con trai của Hiệu là Hoàng Tôn Dương còn thơ ấu mà Hoàng tử cả là Chương cũng đã mất. Hoàng tử thứ hai là Nguyễn Phúc Luân cũng rất khôi ngô, theo thứ tự sẽ phải lập Hoàng Tôn Dương hoặc Nguyễn Phúc Luân lên ngôi. Phúc Khoát có ý lập Phúc Luân, nên đã trao Luân cho một thày học nổi tiếng là Trương Văn Hạnh dạy bảo những điều cần thiết cho một người gánh vác ngôi vua. Phúc Khoát mất, tình hình lại thay đổi. Quyền thần Trương Phúc Loan không muốn lập Nguyễn Phúc Luân và Luân đã lớn tuổi, khó bề lộng hành. Thế là Phúc Loan chọn Phúc Thuần con thứ 16 của Phúc Khoát, mới 12 tuổi lên ngôi.

Phúc Luân không được lập mà bị bắt giam. Nội hữu Trương Văn Hạnh-thầy dạy Phúc Luân cũng bị bắt giết. Phúc Luân không được nối ngôi, lo buồn cho tính mạng mà chết khi tuổi mới 33. Đến năm Minh Mệnh thứ hai (1821) Luân được truy tôn là Hưng tổ.

Trải 9 đời chúa, đến đây nhà chúa đã bị nạn quyền thần lấn ướt Phúc Thuần nhỏ tuổi, lại không phải là người được sắp sẵn để lên ngôi, nay thật bỡ ngỡ trên ngai vàng. Mọi quyền hành đều do Trương Phúc Loan sắp đặt. Loan tự nhận là Quốc Phó, giữ bộ Hộ quản cơ Trung thượng kiêm Tầu vụ. Thực tế Trương Phúc Loan thâu tóm vào tay từ chính sự đến kinh tế. Các nguồn lợi chủ yếu của vương quốc Đàng Trong đều rơi vào tay Loan. Thuế sản vật các mỏ vàng Thu Bồn, Đồng Hương, Trà Sơn, Trà Vân... hàng năm Trương chỉ nộp vào ngân khố 1-2 phân mười số thu được. Các thứ lâm sản thuỷ sản đều chảy vào nhà Trương. Ngày nắng Loan cho đem phơi của cải quý báu làm sáng rực cả một góc trời! Cả nhà họ Trương chia nhau nắm hết mọi chức vụ chủ chốt. Quyền và tiền họ Trương lấn át cả trong triều ngoài trấn. Có quyền có tiền, Loan mặc sức hoành hành ngang ngược - người bấy giờ gọi là Trương Tần Cối.

Giữa lúc đó, Lại bộ thượng thư Nguyễn Cư Trinh, người có uy tín, tài năng trụ cột của triều Nguyễn qua đời (tháng 5 năm Đinh Hợi 1767). Thế là họ Trương không còn ai ngăn cản nữa, càng ra sức làm nhiều việc càn rỡ, chẳng còn kiêng nể gì: bán quan buôn tước, ăn tiền tha tội, hình phạt phiền nhiễu, thuế má nặng nề, thần dân cực khổ và căm giận. Những người có tâm huyết và tài năng như Tôn Thất Dục, tinh thông kinh sử, thuật số, âm nhạc, bị Loan tìm cách hãm hại. Tài chính kiệt quệ đến nỗi dật sĩ Thuận Hoá là Ngô Thế Lân phải kêu lên triều. Nhưng mọi cố gắng của họ Ngô không được hồi âm.

Giữa lúc đó, anh em Tây Sơn do Nguyễn Nhạc cầm đầu dấy nghĩa ở Quy Nhơn, thanh thế ngày càng lừng lẫy vì được dân chúng đồng tình ủng hộ. Thêm vào đó, tháng 5 năm Giáp Ngọ (1774) Trịnh lại đem đại quân vào đánh Nguyễn. Cả Tây Sơn lẫn Trịnh đều khẩu hiệu khử quyền thần Trương Phúc Loan và tôn phó Hoàng Tôn Dương. Chiến tranh loạn lạc lại nổ ra, đất Thuận Hoá trước đó trù phú là thế mà nay trăm bề xơ xác la liệt, "mỗi lẻ gạo trị giá một tiền, ngoài đường xác đói, người nhà có khi ăn thịt nhau".

Trước tình cảnh đó, không còn cách nào khác, tôn thất nhà Nguyễn cùng nhau hợp sức bắt trói Trương Phúc Loan nộp cho quân Trịnh. Tháng 12 năm 1774, quân Trịnh chiếm được Phú Xuân và đặt quan cai trị Thuận Hoá. Trong số quan lại nhà Trịnh được cử vào Thuận Hoá có Lê Quý Đôn (1776).

Tây Sơn tìm cách tạm hoà với Trịnh để yên mặt Bắc và có điều kiện đánh Nguyễn ở phía Nam. Đại quân Tây Sơn cả thuỷ lẫn bộ đánh vào Sài Gòn. Chúa Nguyễn chạy về Định Tường rồi lại sang Long Xuyên. Tháng 9 năm Đinh Dậu (1777) quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ thống lĩnh đánh chiếm Long Xuyên, chúa Nguyễn chết trận. Như vậy Nguyễn Phúc Thuần ở ngôi chúa 12 năm, khi chết mới 24 tuổi, không có con nối.

♦ Nguyễn Phúc Ánh (1780-1802):

Nguyễn Phúc Ánh có tên huý là Chủng và Noãn, sinh năm Nhâm Ngọ (1762), con thứ ba của Nguyễn Phúc Luân. Mẹ Nguyễn Ánh là con gái Diễn Quốc Công Nguyễn Phúc Trung (có lẽ Phúc Trung được ban quốc tính), người làng Minh Linh, phủ Thừa Thiên. Khi Nguyễn Phúc Luân bị quyền thần Trương Phúc Loan phế truất rồi bắt giam năm Ất Dậu (1765), Nguyễn Ánh còn nhỏ (4 tuổi) đang ở nhà riêng. Năm Quý Tỵ (1773), Tây Sơn khởi nghĩa, Nguyễn Phúc Ánh 13 tuổi, theo chúa Phúc Thuần vào Quảng Nam. Mùa thu năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Phúc Thuần tử trận, Nguyễn Phúc Ánh một mình chạy thoát ra đảo Thổ Chu. Một tháng sau, Phúc Ánh tập hợp được một đội nghĩa dũng, binh sĩ mặc toàn đồ tang, quyết tử đánh chiếm lại Sài Gòn. Giúp Nguyễn Phúc Ánh, lúc đó mới 17 tuổi, có Đỗ Thanh Nhân và một số tướng lĩnh khác, Ánh ra sức xây dựng lực lượng, đắp luỹ đất ở phía Tây sông Bến Nghé, đóng cọc gỗ ở các cửa cảng để đề phòng ngừa tấn công của Tây Sơn, Ánh đã có 50 chiến thuyền.

Năm Canh Tý (1780) Phúc Ánh chính thức lên ngôi vương ở Sài Gòn, dùng ấn "Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo" làm ấn truyền quốc, niên hiệu thì vẫn theo chính sóc nhà Lê.

Tháng 3 năm Nhâm Dần (1782), Nhạc và Huệ kéo quân vào đánh Sài Gòn. Phúc Ánh chống lại ở cửa biển nhưng yếu sức đành thua trận. Phía Phúc Ánh lần này có cả sĩ quan Pháp tử trận. Ánh phải cưỡi thuyền nhỏ chạy ra biển, đến trú ở đảo Phú Quốc. Đại quân của Tây Sơn rút về Quy Nhơn, tháng 8 năm Nhâm Dần (1782), Ánh lại thu thập tàn quân trở lại Gia Định.

Tháng 2 năm Quý Mão (1783) Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ lại kéo vào đánh cửa biển Cần Giờ, quân Nguyễn tan tác. Tôn Thất Mân, Dương Công Trừng bị bắt hoặc chết, Chu Văn Tiếp bỏ chạy. Nguyễn Ánh cùng với 5,6 người tuỳ tùng, 100 lính chạy về Ba Giồng.

Tháng 4 năm đó, bị Nguyễn Huệ đuổi gấp, Ánh phải cưỡi trâu lội qua sông thoát thân rồi đem mẹ, vợ con ra Phú Quốc. Thuỷ quân Tây Sơn truy đuổi đến tận đảo. Tình thế cực kỳ nguy khốn song nhờ cái cớ Lê Phúc Điển mặc áo ngự đứng đầu thuyền giả làm Nguyễn Vương đánh lạc hướng Tây Sơn, Nguyễn Ánh chạy ra đảo Côn Lôn. Phò mã Trương Văn Đa liền kéo thuỷ quân Tây Sơn ra vây chặt 3 vòng quanh đảo, chúa Nguyễn như "cá nằm trên thớt", bỗng một trận bão lớn làm thiệt hại nặng thuỷ quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh thoát được đến hòn Cổ Cốt, sau lại về Phú Quốc. Thất bại liên tiếp, Nguyễn Ánh phải trao con là Hoàng tử Cảnh mới 4 tuổi cho Bá Đa Lộc làm con tin sang cầu viện người Pháp. Rồi Nguyễn Ánh từ biệt mẹ và vợ con đem quân chạy ra ngoài cõi. Tháng 2 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh đem theo cả mẹ và vợ con chạy sang Xiêm nương thân và cầu viện. Mùa hè năm đó, Nguyễn Ánh dẫn quân Xiêm gồm 2 vạn thuỷ quân và 300 chiến thuyền kéo về Sài Gòn, Gia Định. Nhờ có viện binh, Nguyễn Ánh chiếm lại Ba Xắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc...

Tháng 12 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Nhạc được tin cấp báo, tức thì sai Nguyễn Huệ đem quân vào cứu Sài Gòn. Quân Tây Sơn mai phục ở Rạch Gầm và Xoài Mút (tỉnh Định Tường), rồi dụ quân Xiêm vào trận. Quân Xiêm đại bại, Chiêu Tăng, Chiêu Sương cùng vài nghìn sĩ tốt theo đường núi rút chạy về nước. Nguyễn Ánh đi Trấn Giang rồi sang Xiêm, xin trú ở Long Kỳ (người Xiêm gọi là Đồng Khoai, ở ngoại thành Vọng Các) sai người đón mẹ và vợ con đến. Quân Nguyễn nhờ đất Xiêm mà sản xuất, trồng cấy đóng chiến thuyền, tích trữ lương thực, thu nạp quân sĩ, đợi thời cơ. Lưu trú trên đất Xiêm, Nguyễn Ánh đã giúp vua Xiêm đánh bại Diến Điện... Vua Xiêm thán phục, đem vàng lụa đến tạ ơn và hứa giúp Nguyễn Ánh lấy lại Gia Định. Sau trận đánh Diến Điện, Nguyễn Ánh còn giúp vua Xiêm đánh lại quân Chà Và.

Năm Đinh Mùi (1787), lực lượng hùng mạnh của Nguyễn Ánh lại được Bồ Đào Nha giúp đỡ, vua Xiêm tỏ ra không bằng lòng. Biết vua Xiêm không giúp gì hơn, Nguyễn Ánh lặng lẽ rút quân về nước, dùng kế ky gián giết Phạm Văn Tham; đuổi Nguyễn Lữ chiếm lại Sài Gòn-Gia Định tháng 8 năm Mậu Thân (1788). Thế là trong khi Nguyễn Nhạc bất lực chỉ biết bo bo giữ Quy Nhơn, Nguyễn Huệ phải lo đối phó với tình hình Bắc Hà, đánh đuổi hơn 20 vạn quân Thanh, Nguyễn Ánh ở Gia Định nắm thời cơ chuẩn bị, củng cố lực lượng. Nguyễn Ánh còn sai sứ thần Phan Văn Trọng và Lâm Đồ mang thư và 50 vạn quân lương sang giúp nhà Thanh. Năm Kỷ Dậu (1789), Hoàng tử Cảnh từ phương Tây về, Cảnh đi cùng Bá Đa Lộc sang Pháp cầu viện, lênh đênh trên biển và hải cảng các nước, hai năm sau mới đến Paris. Hoàng đế Pháp tiếp đãi theo vương lễ song chưa giúp gì được. Vì triều đình còn gặp khó khăn. Cảnh về Gia Định vừa đúng 4 năm đi xa. Hai sĩ quan Pháp ở lại phụng sự chúa, được Ánh đặt tên là Thắng và Chấn, cấp một nghìn quan tiền trao cho chức Cai đội.

Trên lãnh địa của mình, Nguyễn Ánh đã hết sức cố gắng nhanh chóng tăng cường binh lực và mọi mặt. Một loạt chính sách được ban hành: đạt quan điền tuấn chuyên lo việc làm ruộng, thi hành phép ngư binh ư nông, trai tráng khi cần là lính chiến, hết trận về làm ruộng, định lệ khuyến nông, đặt đồn điền... Nguyễn Ánh đặc biệt quan tâm đến phong thưởng và đãi ngộ tướng sĩ trận vong hoặc có công lao. Nguyễn Ánh đặt quan hệ tốt với các nước láng giềng, nhất là binh sĩ Xiêm nhằm tăng cường thanh thế. Đối với Châu Âu đang giúp rập, Ánh hết sức ưu đãi. Tháng 9 năm Kỷ Mùi (1799) Bá Đa Lộc, giáo sĩ người Pháp, ân nhân của Nguyễn Ánh qua đời, Ánh cho cử hành tang lễ cực kỳ trọng thể. Thi hài được ướp thơm, quan tài bằng gỗ tứ thiết, chuyển từ

Diên Khánh về Gia Định trong vòng hai tháng, làm đúng quốc tang, truy tôn là Thái phó Bi Nhu Quận công.

Nguyễn Ánh vừa ra sức củng cố vừa phát triển lực lượng, tính từ năm 1792, Nguyễn Ánh bắt đầu mở các đợt tấn công ra Quy Nhơn theo chiến thuật "tằm ăn lá dâu" và theo từng mùa gió nồm: "Gặp nồm thuận thì tiến, vãn thì về; khi phát thì quân lính đủ, về thì tản ra đồng ruộng". Sau cái chết của Quang Trung, Nguyễn Ánh càng ráo riết thực thi chiến thuật trên. Năm Kỷ Mùi (1799), Nguyễn Ánh chiếm được Quy Nhơn, đổi thành Bình Định. Từ đó Nguyễn Ánh bắt đầu giành được thế áp đảo khiến Nguyễn Quang Toản non yếu, nội bộ lục đục không sao chống nổi. Sau khi Nguyễn Quang Toản mất vào tháng 7 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế.